

Bản án số: 106/2022/HS-ST

Ngày: 12/7/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thanh Hương;
2. Ông Huỳnh Công Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2022/HSST-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 21/2022/TB-MPT ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Đăng C; sinh năm: 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 14/32A Phạm Thế Hiển, Phường 01, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú ổn định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Trần Đăng Lâm và bà Trần Ngọc Diễm Thúy; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2021 – Có mặt.

2. Họ và tên: Châu Thị Ngọc H; sinh năm: 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13/3E Bùi Văn Ba, Khu phố 2A, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú ổn định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: phật; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Châu Văn Sơn và bà Dương Thị Mạnh; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không;

nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2021 – Có mặt.

Bị hại:

- Bà Đoàn Thị M, sinh năm: 1955; địa chỉ: 435/47/24 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Hạnh N1, sinh năm: 2001; địa chỉ: 129/3/2 Đường 47, Tổ 54, Khu phố 4, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thanh N2 là chủ Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh vàng Đức Tín, sinh năm 1972; địa chỉ: 67 Tôn Đản, Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1996; địa chỉ: A36bis Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1995; địa chỉ: 71/16 Tôn Đản, Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh -Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đăng C và Châu Thị Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng và cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận 7. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 14/10/2021, C điều khiển xe máy hiệu Exciter, biển số 59G1-866.02 chở H đi lòng vòng trên các tuyến đường trên địa bàn Quận 7 tìm các nhà, phòng trọ không có người ở nhà để trộm cắp tài sản. Khi cả hai đến trước địa chỉ số 435/47/24 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 1B, phường Tân Thuận Đông, Quận 7 do bà Đoàn Thị M đang thuê trọ, phát hiện nhà khóa cửa ngoài. C dừng xe lại để H đứng ngoài canh giới, C dùng cờ lê – mỏ lết để cắt ổ khóa nhà, vào bên trong lấy trộm được 01 túi xách màu nâu, bên trong có 15.500.000 đồng. Sau khi trộm được tiền, C đưa H cất giữ và chở H tẩu thoát. Khi đến trước địa chỉ 26 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, H rút túi xách, không thu hồi được. Số tiền 15.500.000 H và C tiêu xài cá nhân hết.

Bà Đoàn Thị M đến Công an trình báo việc bị mất trộm số tiền nêu trên. Ngày 09/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ 30 ngày 27/12/2021, C điều khiển xe máy hiệu Exciter biển số 59G1-866.02 chở H đi lòng vòng trên các tuyến

đường địa bàn Quận 7 để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến phòng trọ nhà số 129/3/2 đường 47, phường Tân Quy, Quận 7 do bà Đặng Thị Hạnh N1 thuê trọ, cửa khóa. C dùng xe lại để H cảnh giới, C dùng cờ lê mở khóa ổ khóa cửa, vào trong nhà, lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu đen, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng. Sau khi lấy trộm được tài sản, C đưa H cất giữ. Điện thoại trộm cắp được C để sử dụng. C và H mang sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng đến tiệm vàng Đức Tín (địa chỉ: 39 Tôn Đản, Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh) gặp nhân viên là bà Nguyễn Thị Ngọc Q, bán với giá 8.000.000 đồng. Số tiền này C và H tiêu xài cá nhân hết.

Bà Đặng Thị Hạnh N1 phát hiện bị mất trộm tài sản, đến Công an Phường Tân Quy, Quận 7 trình báo về việc vào ngày 27/12/2021, bà N1 bị mất trộm tài sản tại nhà, ở địa chỉ 129/3/2 đường 47, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản bị mất trộm gồm: 01 điện thoại hiệu Oppo, 01 sợi dây chuyền vàng.

Ngày 30/12/2021, C điều khiển xe máy hiệu Exciter biển số 59G1-866.XX chở H đi lòng vòng các tuyến đường Quận 7 tìm cơ hội trộm cắp tài sản thì bị tổ tuần tra đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 7 phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc. Qua kiểm tra, thu giữ trong người C 01 điện thoại hiệu Oppo F11 Pro màu đen (là tài sản C và H trộm cắp được vào ngày 27/12/2021). Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7, C và H khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng tại tiệm vàng Đức Tín. Bà Đặng Thị Hạnh N1 nhận dạng được tài sản trên là của bà N1 bị mất trộm ngày 27/12/2021.

Theo kết luận định giá tài sản số: 68/KL-HĐĐGTTTHS ngày 04/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7 kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu đen 128Gb, đã qua sử dụng, có giá trị 3.150.000 đồng”.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 59/KL-HĐĐGTTTHS ngày 02/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận: “01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, dài khoảng 50 cm, có hàm lượng vàng 61,67%, trọng lượng 2,736 chỉ, có giá trị 8.807.000 đồng.”

Vật chứng vụ án:

- 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59G1-866.02, là phương tiện C và H sử dụng đi trộm cắp. Qua xác minh, xe do ông Nguyễn Văn N3 (địa chỉ: A36 Bis Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ông N3 đã bán xe cho một người không rõ lai lịch, không yêu cầu gì đối với xe. C khai mua xe ở một cửa hàng

(không nhớ địa chỉ) trên đường Minh Phụng, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu đen, là tài sản C và H trộm được của bà Đặng Thị Hạnh N1, đã trả cho bà N1 .

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, chiều dài khoảng 50 cm, không bị đứt đoạn, đầu trên móc có ký hiệu PPt-610P, là tài sản C và H trộm được của bà Đặng Thị Hạnh N1, đã trả cho bà N1.

- 01 túi vải màu đen bên trong có 01 kim sắt dài khoảng 20cm, 01 cờ lê mở lết dài khoảng 25cm; 04 chìa khóa dài khoảng 10 cm có chữ Witttkopp, công cụ C và H sử dụng để trộm cắp tài sản.

Về dân sự:

- Bà Đoàn Thị M yêu cầu được bồi thường thiệt hại là 15.500.000 đồng.

- Bà Đặng Thị Hạnh N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu thêm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh N2 là chủ Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh vàng T không có yêu cầu bồi thường.

Bản Cáo trạng số: 49/CT-VKSQ7 ngày 04/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Trần Đăng C và Châu Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Trần Đăng C từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Châu Thị Ngọc H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Ngoài ra các bị cáo còn phải nộp lại số tiền từ bán tài sản do phạm tội mà có 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Về phần dân sự:

Bà Đoàn Thị M yêu cầu được bồi thường thiệt hại là 15.500.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Đặng Thị Hạnh N1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Thanh N2 là chủ Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh vàng T không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị can, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, những chứng cứ, tài liệu của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hợp pháp.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo và tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 14/10/2021, C điều khiển xe máy hiệu Exciter, biển số 59G1-866.XX chở H đi trộm cắp tài sản. Khi cả hai đến trước địa chỉ số 435/47/24 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 1B, đường Tân Thuận Đông, Quận 7 do bà Đoàn Thị M đang thuê trọ, phát hiện nhà khóa cửa ngoài. C dừng xe lại để H đứng ngoài canh giới, C dùng cờ lê mở lết để cắt ổ khóa nhà, vào bên trong lấy trộm được 01 túi xách màu nâu, bên trong có 15.500.000 đồng. Vào khoảng 15 giờ 30 ngày 27/12/2021, C điều khiển xe máy hiệu Exciter, biển số 59G1-866.02 chở H đi trộm cắp tài sản. Khi đến

phòng trọ nhà số 129/3/2 đường 47, phường Tân Quy, Quận 7 do bà Đặng Thị Hạnh N1 thuê trọ, cửa khóa. C dùng xe lại để H cảnh giới, C dùng cờ lê mở lết chốt ổ khóa cửa, vào trong nhà, lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu đen, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 59/KL-HĐĐGTTTHS ngày 02/3/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự Quận 7 thì 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 50 cm, có hàm lượng vàng 61,67%, trọng lượng 2,736 chỉ có giá trị 8.807.000 đồng và Kết luận định giá tài sản số: 68/KL-HĐĐGTTTHS ngày 04/3/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự Quận 7 thì 01 điện thoại Oppo F11 Pro màu đen 128Gb, đã qua sử dụng có giá trị 3.150.000 đồng.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của những bị hại, có tổng giá trị là 27.457.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi. Hành vi phạm tội của các bị cáo là tảo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu xài. Do đó cần phải có mức án tương xứng thì mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

Ngoài ra đối với số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng, là số tiền bị cáo bán 01 sợi dây chuyền vàng đã chiếm đoạt của bị hại bà Đặng Thị Hạnh N1, cho Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh vàng T. Bà Nguyễn Thị Thanh N2 là chủ Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh vàng T không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng; số tiền trên các bị cáo đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết. Xét số tiền trên các bị cáo bán tài sản của bị hại mà có, liên quan đến hành vi phạm tội do đó mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 (bốn triệu) đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội 02 lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Đặng Thị Hạnh N1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thanh N2 là chủ Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh vàng T không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Bà Đoàn Thị M yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 15.500.000 đồng, các bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền trên của bà Đoàn Thị M và đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết số tiền trên của người bị hại; Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý, mỗi người bồi thường cho bà Đoàn Thị M số tiền 7.750.000 đồng. Xét, yêu cầu này của bà Đoàn Thị M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59G1-866.XX, qua xác minh, xe do ông Nguyễn Văn N3 (địa chỉ: A36 Bis Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ông N3 đã bán xe cho một người không rõ lai lịch, không yêu cầu gì đối với xe. C khai mua xe ở một cửa hàng (không nhớ địa chỉ) trên đường Minh Phụng, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, là phương tiện bị cáo C sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn nhất định để tìm người quản lý hợp pháp của xe. Hết thời hạn thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 túi vải màu đen bên trong có 01 kim sắt dài khoảng 20cm, 01 cò lê mỏ lết dài khoảng 25cm; 04 chìa khóa dài khoảng 10 cm có chữ Wittkopp, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Đăng C và Châu Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Đăng C 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2021.

- Bị cáo Châu Thị Ngọc H 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: Buộc các bị cáo Trần Đăng C và Châu Thị Ngọc H mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Đoàn Thị M số tiền 7.750.000 (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Buộc các bị cáo Trần Đăng C và Châu Thị Ngọc H, mỗi người phải nộp lại số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp chiếc xe gắn máy biển số 59G1-866.XX; nhãn hiệu Yamaha; số loại: Exciter; màu sơn: Trắng đỏ; số máy G3D4E042826, số khung RLCUG0610FY040618 (xe cũ, không kiểm tra chi tiết máy bên trong). Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi vải màu đen bên trong có 01 kim sắt dài khoảng 20cm, 01 cờ lê mỏ lết dài khoảng 25cm; 04 chìa khóa dài khoảng 10cm có chữ Wittkopp.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 63 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7).

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 387.500 (ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu các bị cáo phải thi hành án số tiền phải bồi thường nêu trên; nếu các bị cáo chậm thi hành thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi

hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Tk. Thúy)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Lê Anh